

PHẬT NÓI KINH TRÌ MINH TẶNG DU GIÀ ĐẠI GIÁO
TÔN NA BỒ TÁT ĐẠI MINH THÀNH TỰU NGHI QUỶ
QUYỀN THỨ HAI

Long Thọ Bồ Tát lược trích từ TRÌ MINH TẶNG

Hán dịch: Tây Thiên Dịch Kinh Tam Tạng Triều Tán Đại Phu Thích Quang Lộ
Khanh Minh Giáo Đại Sư (kẻ bày tôi là) PHÁP HIỂN phụng chiếu dịch
Phục hồi Phạm Chú và Việt dịch: HUYỀN THANH

QUÁN TRÍ THÀNH TỰU
PHẦN THỨ HAI

Tiếp lại khen ngợi Tam Bảo với các Hiền Thánh

☐ Ca ngợi Phật là:

*Đức Phật dùng Đại Bi
Điều phục các chúng sanh
Thành biển Phước Công đức
Vì thế con tán lễ*

☐ Ca ngợi Pháp là:

*Điều lý của Chân như
Hay hoại các nẻo ác
Lợi sinh, trụ tịch tĩnh
Vì thế con tán lễ*

☐ Ca ngợi Tăng là:

*Bền vững trì Giới Hạnh
Chứng nhập môn Giải thoát
Trụ cõi Công Đức thắng
Vì thế con tán lễ*

☐ Ca ngợi Tôn Na với các Hiền Thánh:

**_ Án , lạc khát sát di la khát xoa noa nễ vĩ
Tát ly phộc lạc khát xoa noa man di đa
Bôn noa dã hàm nga la hàm, nga la-dã
Thiết la noa nhạ nga đa tất-ly dã
OM_RAKṢA ME RAKṢANA DEVI
SARVA RAKṢANA-MANḌITA
PŪṆĀYA HŪM AGRA HŪM AGRYA
ŚARAṆA JĀGATA ŚRĪYA**

_ Tao ma-dã, tô ma năng sa nễ phộc dã

Phộc la hạ phộc la na tất-ly đã
Bát nột-ma sa năng bát nột-ma mục khế
Vĩ ma la, vĩ ma lệ khát-xoa noa
SAUMYA SOMA NĀŚA-DEVYA
VARĀHA-VARAṆA ŚRĪYA
PADMĀSANA PADMA-MUKHE
VIMALA VIMALE KṢAṆA

Câu ma lý ca thuê đa bà sa
Ồ na đã lý ca, tam ma bát-la bà
Nhạ năng nễ nga lý-nhạ nễ tỳ ma
Ma hạ di cụ già phộc lý-sa ni
KUMĀRIKA ŚVETA-BHĀSA
UDAYA-RIKTA-SAMA PRABHA
JANANĪ GARJANI BHĪMA
MAHĀ-MEGHA VARṢAṆI

A di đa, a mật-ly đa bà sa
À hạ la, a ma la độ lỗ phộc
Tất đà, tất đà la đã ngạo lý
Bá đát-la hạ sa đa nhĩ để dần niết-ly đã
AMITA AMṚTA-BHĀSA
AJALA AMALE DHŪRVA
SIDDHA SIDDHĀYA GAURI
PATRA-HASTA JITIYAṆ NIRYA

Nại xá ba la di đa, bát-la bát đa
Nại xá bộ di số tăng tất-thể đa
Đề-ly lộ ca hạ năng nễ đạt nễ-dã
A di đa lý-tha bát-la sa đạt nễ
DAŚA-PĀRAMITĀ PRĀPTA
DAŚA-BHŪMI SU-SAMSTHITA
TRILOKA JANANĪ DHĀNYA
AMITĀRTHA PRASĀDHANE

Nhạ nga sa la khát-xoa nữ nại-dụ ngật-đa
Bát la đã ngật-ly bát đã nễ đa
Nga đã đề-ly tất lý-phộc một đà nam
Sa vĩ đề-ly tả nhĩ nỗ la sa
JAGATA RAKṢAṆI DYUKṢA
PRAYAJ-KṚ PĀYAS-NĪTA
GĀYATRĪ SARVA BUDDHĀNĀṆ
SĀVITRĪ CA MEDURITA

Đát-la noa bộ đa hạ nga đà đề-ly
Toa lý nga ma lý-nga bát-la nại lý-sa nam
Nhất tha lỗ ba, ma hạ ma đã
Năng năng nễ lý-ma noa lỗ bé ni

TRĀṆA-BHŪTA GĀYATRĪ
SVARGA MĀRGA PRADARŚĀNĀM
ICCHĀ-RŪPA MAHĀ-MAYA
NANA NIRMAṆA RŪPIṆE

_ Bát-la để hạ lý-dã ma hộ sa hạ
Bôn ni-dã tam bà la, tam bột-lý đa
Ác khát-xoa dã, ác khát-xoa la thú nễ-dã
Phiến đa, kiến đa đát, bết tất-thể đa
PRATI-HĀRYA MAHOTSĀHA
PUNYA SAMBHARA SAM-VRṬA
AKṢAYA-AKṢARA ŚODHAYA
ŚĀNTI-GANDHATĀ VIṢṬHITA

_ Đình năng hạ la ma hạ tất đỏa
Tất đỏa năng tất-lý để phục sa la
Kiến đa la đa la ni nột-lý nga
Tất lý-phục thương ca bát-la mô tả nễ

_ Nhạ diễn để nhạ đa phệ na tả
Một-la hám-ma yết lạp-ba ma nỗ nhạ phục
Tán đình ca bá lý nễ tả ma
Ma năng sa ma năng tế bộ đa

_ Tả ngu lê năng nghĩ nễ, ngu tứ-dạ
Tô bà nga tất-lý dã nại lý sa-năng
Đạt la ni đà la ni Tôn Na
Phục nễ-dã để-lý bộ phục nễ toa lý

_ Phan ba thất-tổ đa la ni bố sát-ni
Hột-lý sát-trí na phiến để na dĩ nễ
Đạt lý-ma nga lý-bà mẫu nễ phục la
Nễ đà một đề tất la toa đế, mô khát-xoa ni

_ Tất lý-phục tất đỏa nam
Na la nễ, tất lý-phục chỉ la-vĩ sa
Thế na nễ bà phục bát xá nam
Tinh hạ một-la đa bát tra một-lý đa

_ A ba la nhĩ đa lộ ca yết lý
Tất lý-phục nột lý-nga để nễ phục la ni
Tao bà nga-dã na phục hổ bộ nhạ
Để-lý lộ ca nhạ năng nễ thất phục

_ Cật-lý sát-noa nhĩ năng phục để a lý-dã
Tất lý-phục ma la bát-la ma lý-na nễ
Tất lý-phục một đề bát-la thiết sa đa dã
Tam bột-lý đa dã ngu ni lý ngu lung

**_ A phộc lộ cát đa, tăng nghê-dã dã
Năng mô niết đất-dã cật-ly bá đất-ma nễ
Ma hạ phộc la dã, tán noa dã
Vĩ di-dã la nhạ dã sa đạt phệ
Nột lý-nan đà na ma ca dạ dã
Năng mạc tất-đế phộc nhật la bá noa duệ**

_ Lại nữa, Hành Nhân ca ngợi Tam Bảo với Bản Tôn Tôn Na Bồ Tát như vậy xong, chấp tay chí tâm bày tỏ sám hối là:

“Con (họ tên ...) từ vô thủy đến nay luân hồi trong các nẻo đã tạo nghiệp Đại ác, hành Pháp bất thiện. Tự mình làm và dạy người làm, thấy nghe việc ấy đều tùy vui. Nghiệp như vậy thật là vô lượng vô biên. Giờ đối trước Phật, Bồ Tát xin tỏ bày sám hối. Từ nay trở đi con chẳng dám gây tội nữa. Nguyên xin Phật Bồ Tát Đại từ Đại bi nhận lời sám hối của con”.

_ Lại nói rằng: *“Con (họ tên ...) từ nay về sau sẽ đi thẳng đến ngôi ở Bồ Đề Đạo Trường. Thề xong, quy y Pháp Giới vắng lặng của Chánh Đẳng Chánh Giác Vô Thượng Như Lai cho đến Quy Y hết thấy A Phệ Phộc Lý Đế Ca Đại Bồ Tát chúng ở bốn phương với Phật Bồ Tát. Xả bỏ thân mệnh không hề hối tiếc, nguyên xin Từ Bi nhiếp thọ cho con.*

_ Lại nói rằng: *“Con (họ tên ...) từ nay trở đi, thẳng đến ngôi ở Bồ Đề Đạo Trường. Đối với các Pháp Sở Hữu nơi UẨN, XỨ, GIỚI; tất cả đều Vô ngã, Vô Thủ, Vô Xả. Xả lìa tất cả tướng. Tự tính như hư không, xưa nay bình đẳng, cũng lại chẳng sinh Tâm của hư không, chỉ như Phật với các Bồ Tát phát Tâm Bồ Đề. Lại như Chư Phật từ Tâm Sơ Giác biết Phước tối thượng là đem các phước có được tùy hỷ, hối thí cho Chư Phật, Bồ Tát, Duyên Giác, Thanh Văn, cho đến cùng tận giới chúng sinh. Con cũng tùy hỷ, đem Công đức này nguyện cho con sau này cũng ở tất cả giới chúng sinh như Phật Đại bi tuôn mưa Đại Pháp, mọi loại phương tiện; ở các Thế gian làm lợi ích lớn, lợi lạc cho chúng sinh. Dùng tâm dũng mãnh mau thành sự nghiệp.*

Tại sao vậy? Vì giới phạm phu này là Nan Địa (Đất khó khăn, nguy hiểm) chẳng có cứu cánh. Con đối với tất cả chúng sinh của giới này, nguyện đều khiến cho được đạo Xuất Thế gian, vắng lặng, an vui. Đã được đạo rồi, con liền khiến cho được Công đức Tối thượng, A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề”.

Hành nhân **Tán Thán, Sám Hối, Tùy Hỷ, Hồi Hướng, Phát Nguyện** như vậy xong. Liên kết **Đại Ấn**, kết xong lại kết **Tam Muội Ấn**, đem hai bàn tay cùng nắm quyền, kèm hai ngón giữa như cây kim, hai ngón trỏ hướng ra ngoài như cái Chày Kim Cương, đặt hai ngón cái bên cạnh hai ngón trỏ liền thành Ấn. Kết Ấn này, tụng Đại Minh là:

“Ấn, thương yết lý (1) ma hạ tam ma duệ, sa-phộc hạ (2)

ॐ संकटमक्षममयं सुखं

OM_ SAMKARE MAHĀ-SAMAYE SVĀHĀ

_ Tiếp, kết **Tam Ma Địa Ấn**, đặt tay trái ở lỗ rốn. Đặt tay phải bên trong tay trái, hai ngón cái và hai ngón trỏ cùng dính nhau liền thành Ấn. Tụng Đại Minh là:

“Ấn, tôn (1)”

ॐ सुखं

OM CUN

नमः समन्तवज्रानाम त्राट अमोघाकण्डारोषा
 NAMAḤ SAMANTA-VAJRĀNĀM TRĀṬ AMOGHA-CANḌA-ROṢAṆA
 SPHAṬYA HŪM TRĀṬ HĀM MĀM

Người hành trì tụng làm nước sạch chứa năm loại thuốc (ngũ dược tịnh thủy). Mỗi một lần làm, lấy nửa tháng làm giới hạn. Mỗi ngày uống cả hai thứ 3 lần, dùng lá A La Xá làm vật chứa nước uống.

Năm loại thuốc là: Nước cốt sữa của con bò màu vàng, Cỏ Mầu Đất La Cồ Ma Gia, lạc (Sữa nấu chín), cỏ Cát Tường, nước... hòa hợp thành xong, liền tụng Đại Minh gia trì sau đó mới uống. Đại Minh là:

“**Năng mô bà nga phộc đế (1) ô sát-nị sa dã (2) Án, vĩ thú đề (3) , vĩ la nhĩ (4) thủy phệ (5) phiến đế ca lý (6) sa-phộc hạ (7)**”

नमो भगवते उष्निषया - ओम् विसुद्धे विराजि शिवे

NAMO BHAGAVATE UṢNĪṢĀYA - OM VIŚUDDHE VIRAJI ŚIVE ŚĀNTI KARI SVĀHĀ

Hành Nhân dùng hoa màu hồng nhuộm chỉ, nhờ Đồng Nữ hợp lại. Dùng Đại Minh gia trì một ngàn biến, kết bảy gút xong, buộc cạnh eo lưng. Đại Minh là:

“**Án, hạ la (1) hạ la (2) mãn đề thú cật-la đà lý ni (3) tất đề, sa phộc hạ (4)**”

ओम् हारा हारा बन्धा सुक्रा-धाराणि सिद्धिं स्वहा

OM HĀRA HĀRA BANDHA ŚUKRA-DHĀRAṆI SIDDHI SVĀHĀ

Minh này cũng hay cấm phục Thú Cật La và hay phá **Thiết Đốt Lỗ** (Śatrū: Oan Gia).

Nghi Quỹ như vậy, người hành trì tụng có thể dùng ba Thời làm giới hạn.

_ Lại nữa ở Pháp Môn **Du Già**, nếu muốn tu tập cầu các **Tất Địa** (Siddhi). Trước tiên nơi thân của mình mọi loại tác Pháp, sám trừ Nghiệp đời trước (Túc Nghiệp) khiến không có chướng nạn. Nếu chẳng như vậy thì khó thành Thánh Đạo.

Lại nữa, lúc hành nhân muốn tác Pháp thời trước tiên nên phát Tâm xa lìa các nơi ồn ào luận nghị, ở thân phần của mình, tưởng chữ vi diệu sao cho tướng của các chữ, mỗi mỗi hiện trước mặt. Nếu được hiện trước mặt thì tất cả mọi **tội cấu** đều được tiêu diệt.

Chữ vi diệu ấy. Trước tiên ở cửa miệng tưởng chữ **HÂM** (𑖦 - MAM)

Ở trên vai phải tưởng chữ **ÁM** (𑖦 - AM)

Ở trên vai trái tưởng chữ **ÁC** (𑖦 - AM)

Ở trên đầu tưởng chữ **ÁM** (𑖦 - AM)

Ở trên cánh tay phải tưởng chữ **A** (𑖦), trên cánh tay trái tưởng chữ **PHỘC** (𑖦 - VA)

Ở trong lỗ rốn tưởng chữ **HÔNG** (𑖦 - HŪM).

Lại ở khắp thân tưởng chữ **A** (𑖦)

Chữ vi diệu như vậy đều là chữ Phạm

Lại nữa, Hành nhân mỗi lần tưởng chữ như vậy, lúc hiện ở trên thân phần thời liền lại tụng Đại Minh là:

“**Hông, tả lệ tổ lệ, tôn nễ, hông (1)**”

𑖦 वल वल वल 𑖦

HŪM CALE CULE CUNḌHE HŪM

Nếu tụng Minh này được một Lạc xoa biến (100 ngàn biến) thì hay trừ tất cả tội.

_ Lại tụng Đại Minh là:
“**Án, tả lệ tổ lệ Tôn nễ, phát tra (1)**”

ॐ ब्रह्म ब्रह्म ब्रह्म ह्रस्व

OM CALE CULE CUNDHE PHAT

Nếu tụng Minh này đến một Lạc xoa biến thì được Đại Trí Tuệ

_ Lại tụng Đại Minh là:
“**Năng mạc tả lệ tổ lệ tôn nễ năng mạc**”

ॐ ब्रह्म ब्रह्म ब्रह्म नमः

NAMAḤ CALE CULE CUNDHE NAMAḤ

Thường trì Minh này thì hay trừ tất cả Trần cấu.

_ Tiếp, lại nói về *chữ vi diệu căn bản* của Chư Phật Bồ Tát. Ấy là:

Chữ MẬU (𑖓- MAM) là căn bản của **Diệu Cát Tường Bồ Tát** (Mañjuśrī Bodhisatva: Văn Thù Bồ Tát)

Chữ MUỘI (𑖓-MAI) là căn bản của **Từ Thị Bồ Tát** (Maitreya Bodhisatva)

Chữ THẤT LY (𑖓- ŚRĪ) là căn bản của **Như Lai** (Tathāgata), lại là căn bản của LÝ PHỆ Hiền Thánh.

Chữ ÁM (𑖓- AM) là căn bản của **Phổ Hiền Bồ Tát** (Samantabhadra Bodhisatva)

Chữ ÁC (𑖓- AḤ) là căn bản của **Hư Không Tạng Bồ Tát** (Ākāśa-garbha Bodhisatva)

Chữ A (𑖓- Ā) là căn bản của tất cả Như Lai.

Chữ BỆT LONG (𑖓- BHRŪM) là căn bản của **Đại Luân Minh Vương** (Mahā-cakra-vidya-rāja)

Chữ A (𑖓- A) lại là căn bản của **Quán Tự Tại Bồ Tát** (Avalokiteśvara bodhisatva), lại là căn bản của **Kim Cương Thủ Bồ Tát** (Vajra-pāṇi Bodhisatva)

Chữ HỒNG (𑖓- HŪM) là căn bản của **Diêm Ma Đắc Ca Minh Vương** (Yamāntaka-Vidya-rāja)

Chữ ÁN (𑖓- OM) là căn bản của **Tỳ Lô Giá Na Phật** (Vairocana Buddha)

Chữ TẢ (𑖓- CA) là căn bản của **Đại Luân Minh Vương**.

Chữ LỆ (𑖓- LE) là căn bản của **Bất Động Minh Vương** (Acala-vidya-rāja), lại là căn bản của **Mã Đầu Minh Vương** (Hayagrīva-vidya-rāja)

Chữ TÔN (𑖓- CUṆ) là căn bản của **Đại Tôn Na Bồ Tát** (Mahā-cuṇḍhe Bodhisatva)

Chữ NỄ (𑖓- DHE) là căn bản của **Kim Cương Tát Đỏa Bồ Tát** (Vajra-satva Bodhisatva)

Chữ TOA (𑖓- SVĀ) là căn bản của **Y Ca Nhạ Tra** (Ekajaṭā: Nhất Kế La Sát)

Chữ HẠ (𑖓- HĀ) là căn bản của **Phộc Nhật La Năng Khư** (Vajra-dhaka)

_ Tiếp, lại diễn nói về các Án: là Trạch Địa Án, Lê Án (ấn cái cày), Phương Vị Án, Liên Hoa Án, Tam Xoa Án, Bát Lý Già Án, Quyển Sách Án, Câu Án, Đảo Xử Án (ấn cái chày dằm), Bội Tôn Ni Án, Bảo Trượng Án, Tọa Án, Kim Cương Tọa Án với Hiền Tọa Án, Tọa Tất Đê Ca Án, Nhạ Phộc Năng Án, Sư Tử Tọa Án, Thuyết Pháp Luân Án, Sư Tử Bộ Án (ấn bước đi của sư tử), Sư Tử Ngọa Án (ấn sư tử nằm), Phan Án, Phiến Án, Bạch Phát Án, Kim Cương Linh Chân Châu Anh Lạc Án, Pháp Cổ Án, Cát Tường Tử

An, Loa Ấn, Ưu Bát La Hoa Man Ấn, Kinh Ấn, Phần Nộ Bảo Ấn, Trì Thế Ấn, Ca Muu Ca Ấn, Tăng Già Lê Y Bát Ấn, Vô Úy Ấn, Pháp Luân Ấn, Hoa Ấn, Đồ Hương Ấn, Đẳng Ấn, Thực Ấn, Thịnh Triệu Bản Tôn Ấn, Phát Khiển Ấn, Cúng Đường Ấn, Át Già Ấn, Y Phục Trang Nghiêm Ấn, Hiền Bình Ấn, Hoa Man Ấn, Thần Thông Ấn, Nhạ Phộc Năng Xá Ấn, Thất Di Lô Ấn, Bồ Đề Thọ Ấn, An Tam Muội Ấn, Trừ Ma Ấn, Đầu Đinh Khí Trưng Ấn, Đinh Ấn, Phật Nhân Ấn, Ma Ha Chi Ấn, Nhạ La Bá Ba Ni Ấn, Niết Lý Bát Dã Bát Nễ Ấn, Đát La Du Đạt Nễ Ấn, Tĩnh Tranh Tượng Ấn, Quân Trì Ấn, Ca La Dã Noa Ấn, Tản Cái Ấn, Cách Tỉ Ấn, Đinh Lễ Ấn, Mộc Dục Ấn...

84 Ấn của nhóm như vậy, đối với việc mong cầu thì hay ban cho thành tựu.

Tiếp, lại nói về các **Ấn tướng**, khiến cho các Hành Nhân tu tập viên mãn được Pháp thành tựu. Lúc Hành Nhân muốn tác Pháp, trước tiên nên trong sạch thân tâm. Sau đó là dùng hương xoa bôi lên hai bàn tay thì mới có thể kết Ấn Khế. Hành Nhân đứng ngay thẳng hướng mặt về phương Đông, chấp tay đặt trên đỉnh đầu đỉnh lễ **Tam Bảo**, sau đó đỉnh lễ Bản Tôn **Đại Tôn Na Bồ Tát**. Tiếp đỉnh lễ **Quán Tự Tại Bồ Tát**, tiếp đỉnh lễ **Kim Cương Thủ Bồ Tát**. Như vậy đỉnh lễ Chư Phật Bồ Tát xong rồi mới có thể kết ấn.

_ **KINH ẤN**: Chấp hai tay lại, dựng thẳng ngón trỏ, ngón giữa của tay trái và đặt ngón cái, ngón vô danh, ngón út vào trong lòng bàn tay phải. Đem ngón tay trái cùng kết lại thì thành ấn. Ấn này dùng ở lúc nhập vào Tam Muội và lúc tác Pháp thành tựu.

_ **PHƯƠNG VỊ ẤN**: Trước tiên, đứng thẳng làm thế múa bên phải (Hữu Vũ Thế) mà chuyển theo bên phải. Đem tay phải tác **Thí Nguyện**, tay trái làm tướng **Tam Phan** (3 cây Phan) đặt trên trán. Lại tác Hữu Vũ Thế rồi tác Tả Vũ Thế ... thì thành ấn. Ấn này hay hàng phục Sư tử, Rồng, Cọp với **Bộ Đa** (Bhūta), Quỷ **Tất Xá Tả** (Pisāca) ... cho đến nhóm giặc cướp.

_ Tiếp, **THUYẾT PHÁP ẤN**: Chấp hai tay lại, hai ngón cái như cây kim thì thành Ấn. Ấn này dùng vào lúc cúng dường Bản Tôn sẽ được Chư Phật Bồ Tát với hàng Trời, Rồng, Dạ Xoa, Hiền Đạt Lý Phộc, A Tô La, Nga Lỗ Noa, Khẩn Na La, Ma Hộ La Nga với các Trì Minh Thiên thấy đều vui vẻ, hay ban cho thành tựu.

_ Tiếp **LIÊN HOA ẤN**: Hai tay cùng hợp nhau như tướng hoa sen tám cánh khiến cho ngón tay không chạm nhau. Đem hai ngón cái vào trong lòng bàn tay thì thành ấn. Kết ấn này thời khiến cho Chư Thiên có Đại Uy Đức thấy đều vui vẻ, hay ban cho Hành Nhân việc Đại cát tường và thành tựu ước nguyện.

_ Tiếp, **TAM XOÀ ẤN**: tay trái nắm quyền, duỗi ngón trỏ, ngón giữa, ngón vô danh thì thành ấn. Ấn này có uy lực lớn dùng vào lúc tác Pháp **Tức Tai**.

_ Tiếp, **BÁT LÝ GIÀ ẤN**: Đem hai bàn tay đều đặt trên cánh tay, đều dựng ngón trỏ thành Ấn. Ấn này hay trừ tất cả bệnh sốt rét (ngược bệnh).

_ Tiếp, **QUYẾN SÁCH ẤN**: Hai tay cùng kèm song song nhau, đem ngón vô danh và ngón cái cùng móc nhau như cái khóa thì thành ấn. Ấn này ở trong Pháp **Kính Ái**, tác Câu Triệu thì có Công Đức lớn.

_ Tiếp **CÂU ẤN**: Tay trái có lóng ngón của ngón cái, ngón trỏ, ngón vô danh, ngón út như móc câu thì thành Ấn. Ấn này cũng ở trong Pháp **Kính Ái**, dùng tác Câu Triệu.

_ Tiếp, **ĐÀO XỬ ẤN**: Hai tay nắm quyền cùng hợp nhau. Đem ngón cái cùng cài chéo nhau thì thành ấn. Ấn này nên dùng ngưng trừ Tú Diệu (các vì sao) đại ác.

_ Tiếp, **BỘT TÓN NI ẤN**: Đặt hai tay kèm song song nhau, lại cùng đảo lộn đầu nắm quyền, Hai ngón trỏ kèm song song đầu ngón đưa vào bên trong hai ngón cái như một thì thành Ấn. Ấn này hay ngưng trừ với đầy lui tất cả Quỷ ác

_ Tiếp **NGA NA ẤN**: Để hai tay kèm song song nhau, lại cùng đảo lộn đầu nắm quyền, lại hơi co ngón giữa vào trong ngón cái thì thành Ấn. Ấn này dùng trong lúc tác

Pháp **Điều Phục**, hay phá hoại **Thiết Đốt Lũ** (Śatrū: oan gia) và ngưng trừ nhóm **Dạ Xoa** (Yakṣa), Tú Diệu đại ác.

_ Tiếp **BÁT TRÍ SA ÁN**: đem ngón cái, ngón út của tay phải đặt ở đầu ngón trỏ thì thành **Án**. **Án** này hay giáng phục **A Tô La** (Asura).

_ Tiếp, **TÒA ÁN**: Co ngón vô danh của tay phải, và duỗi rộng các ngón còn lại, hơi co ngón cái thì thành **Án**. Lúc kết **Án** này thời tướng thành Tòa báu hiển các Hiền Thánh.

_ Tiếp, **KIM CƯƠNG TÒA ÁN**: Hai tay cùng kèm song song nhau nắm quyền. Lại tác như Châm Phộc (cây kim đan cột buộc nhau). Đặt ngón cái vào ở dưới cây kim thì thành **án**. Lúc kết **Án** này thì tướng thành Tòa Kim Cương phụng hiến Phật Thế Tôn.

_ Tiếp, **HIỀN TÒA ÁN**: trước tiên, giương tay trái ngang bằng đặt ở dưới lỗ rốn. Giương bằng bằng phải đảo lộn với tay trái và đặt trên tay trái thì thành **án**. **Án** này lúc tác Man Noa La (làm Đàn) với lúc nhập định dùng hiển Tôn Na Bồ Tát với Kim Cương Thủ Bồ Tát.

_ Tiếp, **SA TÁT ĐẾ CA ÁN**: Trước tiên, ngồi ngay trên tòa hoa sen, đặt chân phải vượt qua chân trái. Lại dùng tay phải mở rộng đờ ngón cái tay trái thì thành **Án**. Lúc tác Pháp thành tựu thì dùng **án** này, hay ban **Tất Địa** cho Hành Nhân.

_ Tiếp, **NHẠ PHỘC NẶNG ÁN**: Trước tiên, đứng thẳng chân, sau đó lui lại, xoay chuyển theo bên phải. Hai tay đều nắm quyền, duỗi ngón giữa, dao động thì thành **Án**. Hành Nhân dùng **Án** này trong lúc bị nạn lớn hoặc lúc bị cầm đoán trói buộc (cầm phộc) thì tất cả việc ấy chẳng có thể gây hại được.

_ Tiếp, **SƯ TỬ NGOA ÁN**: Trước tiên, tướng ngồi yên trên hoa sen. Liếc ngó về bên phải, lại quay lưng ngồi sau đó đem bàn chân phải vượt qua bàn chân trái, đặt bàn tay chạm đất thì thành **Án**. Dùng **Án** này vào lúc **Quán Tưởng**.

_ Tiếp, **PHAN ÁN**: Dựng thẳng ngón trỏ và ngón giữa của tay trái làm thế dao động thì thành **Án**. Dùng **Án** này vào lúc **Cúng Dường**.

_ Tiếp, **TRÀNG ÁN**: Tay phải nắm quyền, dựng thẳng ngón giữa thì thành **Án**. Dùng **Án** này vào lúc chiến đấu hoặc lúc có sự sợ hãi lớn.

_ Tiếp, **SƯ TỬ TỌA ÁN**: Trước tiên, đặt hai tay kèm song song nhau. Lại như hợp chưởng, để ngón giữa và ngón út như cây kim; ngón vô danh và ngón trỏ như cái vòng, dựng thẳng ngón cái lên trên cho cứng thì thành **Án**. **Án** này là **Thế Tôn Án** dùng để giáng phục Đại Dạ Xoa

_ Tiếp, **PHÁP ÁN**: Trước tiên, ngồi Kiết Già, tay trái nắm quyền dựng thẳng ngón trỏ, dùng tay phải nắm ngón trỏ tay trái, đặt ở lỗ rốn thì thành **Án**. Dùng **Án** này để cầu giải thoát; tất cả Trời, Người thấy đều xưng tán.

_ Tiếp, đến **BÁT BỨC LUÂN ÁN**: Duỗi rộng hai bàn tay sao cho các ngón rời nhau rồi xoay chuyển trên đầu như tướng bánh xe (Luân Pháp) thì thành **Án**. **Án** này có uy lực hay trừ tất cả đại ác.

_ Tiếp, **SƯ TỬ BỘ ÁN**: Trước tiên, đứng ngay ngắn như con Sư tử, sau đó đặt tay trái ở sau lưng, rồi đặt ở bên phải, dựng ngón út như cây kim, hơi co hai ngón trỏ dang rộng cùng dính nhau. Đặt ngón cái bên cạnh ngón trỏ thì thành **Án**. **Án** này dùng vào lúc **Câu Triệu** và **Phát Khiển** ở trong Pháp **Kính Ái**.

Tiếp *các Án căn bản* của Tôn Na Bồ Tát. Dùng các **Án** tướng tại thân phần của Bồ Tát

_ **ĐỈNH LỄ ÁN**: Trước tiên đứng ngay thẳng, chắp tay lại làm tướng đỉnh lễ thì thành **Án**. **Án** này là **Tôn Na Đỉnh Lễ**, là **Án** tối thượng.

_ Tiếp, **LIÊN HOA ÁN**: Chặng sửa tướng lúc trước, chắp tay lại đặt ở trái tim của Tôn Na. Liên dùng hai chân đảo lộn đầu thì thành **Án**. Đây cũng gọi là **Tối Thượng Án**

_ Tiếp, ĐÀU ẤN: Trước tiên, kiễng bàn chân trái, sau đó quỳ gối phải sát đất, tay phải đặt trên trán làm thế dao động. Lại để bốn ngón tay cùng kèm song song nhau, đặt ngón cái ở trong lòng bàn tay thì thành Ấn.

_ Tiếp, ĐỈNH ẤN: Để ngón giữa như cây kim và ngón cái của tay phải cùng vịn nhau thì thành Ấn. Ấn này nếu cùng dùng với **Giáp Trụ Đại Minh** thì cũng gọi là **Giáp Trụ Ấn**

_ Tiếp, TÔN NA BẢN ẤN: Trước tiên, dao động ngón cái của hai tay xong, chấp hai tay lại, để ngón cái của tay phải vào bên trong lòng bàn tay thì thành Ấn, đặt ở trên trái tim.

_ Tiếp, HOA ẤN: Hai tay nắm quyền, lại dựng hai bàn tay như cây kim, đặt ngón trỏ và ngón cái cùng móc hợp thành Ấn.

_ Tiếp, ĐẠI ẤN: Hai tay cùng kèm song song sao cho các ngón đừng dính nhau. Đặt ngón cái ở lóng thứ ba của ngón út, sau đó nắm quyền bên chắc thì thành Ấn. Đặt Ấn này ở Bản Tâm (Trái tim của mình), liền tụng Đại Minh bảy biến thì hay làm tất cả Pháp.

_ Tiếp, ĐỆ NHỊ ẤN: (Ấn thứ hai) Liền dùng ấn lúc trước, dựng hai ngón cái, giương đuôi các ngón còn lại đừng cho dính nhau thì thành Ấn.

_ Tiếp, ĐỆ TAM ẤN: (Ấn thứ ba) Dùng ấn lúc trước, đều đặt ngón trỏ ở lóng thứ ba của ngón giữa thì thành Ấn.

_ ĐỆ TỨ ẤN: (Ấn thứ tư) Đem hai tay duỗi rộng các ngón, đều co lóng giữa. Lại đặt ngón giữa, ngón vô danh ở trên ngón cái; lại đem ngón giữa, ngón vô danh đặt ngay lóng giữa thì thành Ấn.

_ Tiếp, KINH ẤN: Đem hai ngón cái đều vịn móng hai ngón út, lại đem ngón tay phải đặt trên tay trái thì thành Ấn.

_ Tiếp, LOA ẤN: Giương rộng ngón trỏ, ngón giữa của hai tay sao cho dính nhau, để ngón út vịn móng ngón cái bên chắc thì thành Ấn.

_ Tiếp, ĐỊNH ẤN: Trước tiên ngồi Kiết Già, giương rộng hai bàn tay, đặt tay phải trên tay trái sao cho móng hai ngón cái dính nhau rồi để dưới lỗ rốn thì thành Ấn.

Các **Ấn Tượng** như vậy cũng tùy phần diễn nói, Hành Nhân tu hành thành tâm ghi nhớ tu tập khiến cho tinh thực. Vào lúc tác Pháp thời không để cho làm lỗi. Nếu có chút nghi ngờ, sai lầm thì chẳng thành Ấn Khế tức Hiền Thánh chẳng vui, phạm sự cầu đảo chẳng được thành tựu.

PHẬT NÓI KINH TRÌ MINH TẠNG DU GIÀ ĐẠI GIÁO
TÔN NA BỒ TÁT ĐẠI MINH THÀNH TỰU NGHI QUỸ
QUYỀN THỨ HAI (Hết)